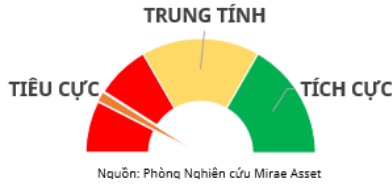


20 Tháng 04, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,049.25	0.0	2.6	-24.2
HNX	206.61	0.4	2.5	-45.6
UPCOM	77.85	-0.3	2.4	-26.8
MSCI EM	990.37	-1.0	5.0	-9.6
NIKKEI	28,657.57	0.2	6.4	5.3
HANG SENG	20,396.97	0.1	7.3	-2.6
KOSPI	2,563.11	-0.5	7.7	-5.7
FTSE	7,884.11	-0.2	6.5	3.3
S&P 500	4,154.52	0.0	5.1	-6.8
NASDAQ	12,157.23	0.0	4.1	-9.6

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.8	1.7	13.7
Indonesia	15.8	1.9	12.0
Philippines	14.5	1.5	10.0
Malaysia	15.0	1.3	10.3
Thái Lan	19.4	1.6	8.2

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	5.5	0	-50	150
TPCP 5 năm	2.8	9	-83	56
TPCP 10 năm	3.3	1	-52	25

Tỷ giá ngoại hối

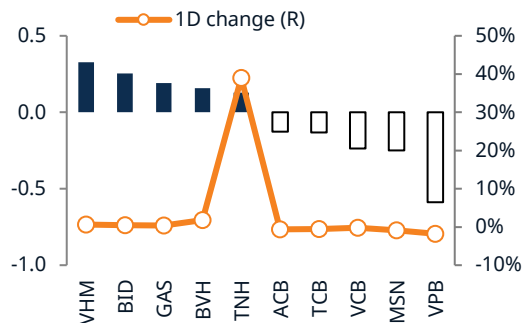
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,496	0.0	-0.4	2.2
US\$/KRW	1,322.9	-0.2	0.9	7.2
US\$/JPY	134.7	0.0	2.6	5.3
US\$/EUR	0.91	-0.1	-2.2	-1.0
US\$/GBP	0.80	0.0	-1.3	5.1
US\$/SGD	1.33	0.0	-0.2	-2.1

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	365	428	409
HNX	38	52	43
UPCOM	14	17	16

Các cổ phiếu tác động VN-Index

(points) Index impact (index points) (DoD)



Nhận định thị trường

Đi ngang trong phiên đảo hạn

Áp lực bán phần nào được cân bằng trong phiên hôm nay khi VN-Index đóng cửa tăng nhẹ gần 0,3 điểm tương ứng với 0,03% và dừng chân tại 1,049 điểm. Thanh khoản khớp lệnh tiếp tục sụt giảm xuống mức thấp nhất trong 1 tháng vừa qua với 332 triệu đơn vị, đạt hơn 5,636 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu BĐS đã quay lại trạng thái tích cực hơn với nhiều mã khoắc lên sắc xanh trên diện rộng, thế nhưng một số mã trong nhóm này lại có diễn biến nổi trội hơn với sắc tím được giữ khi kết phiên như NDN, NRC, NTL... Bên cạnh đó, nhóm ngân hàng phần cũng phần nào khởi sắc hơn khi có 12 mã tăng trên tổng số 20 mã cổ phiếu đứng đầu là BAB (+2,9%); OCB(+1,2%); EVF (+1,2%) và LPB (+1,1%).

Điểm cộng khác hỗ trợ cho VN-Index là diễn biến của khối ngoại quay trở lại mua ròng nhẹ với tổng giá trị gần 53 tỷ đồng. Dừng đầu STB và HPG được mua ròng nhiều nhất với tổng giá trị lần lượt đạt 35 tỷ và 32 tỷ. Ngược lại, GMD bị bán ròng mạnh nhất với giá trị hơn 21 tỷ đồng.

Đóng cửa với sắc xanh đã giúp cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index được cải thiện từ mức -5 điểm lên mức -4 điểm nhưng vẫn duy trì trạng thái đánh giá là TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện tại đang ở mức 13,8x.

Trương Hoàng Tiến Hưng Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (20/04/2023)	1.049	Kháng cự 1 1.080
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.100
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.050
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.030

VN-Index đang có phản ứng tốt quanh vùng giá tại ngưỡng hỗ trợ tại 1,050 điểm

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

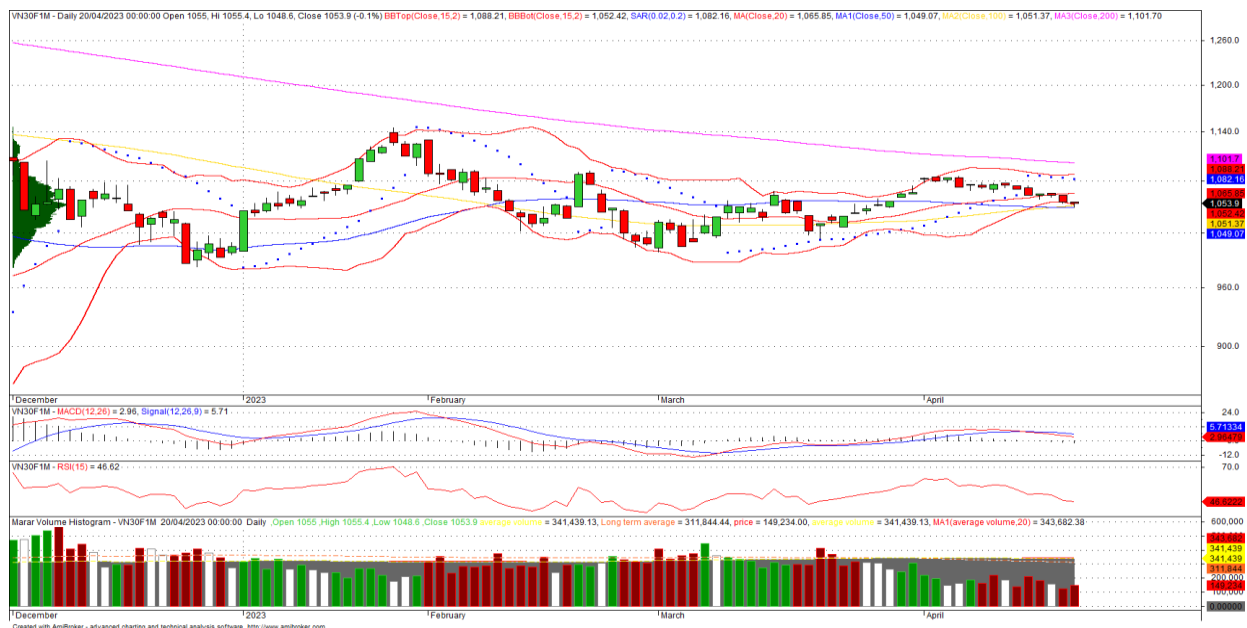
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (20/04/2023)	1.053	Kháng cự 1 1.100
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2 1.130
VN30 - đóng cửa	1.053	Hỗ trợ 1 1.050
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+0.29	Hỗ trợ 2 1.030

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC

VN30F1M có phản ứng tốt quanh vùng MA 100 ngày

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
GIL	Dệt may	23,800	771,005	100	5	Top sức mạnh ngành
LHG	Khu công nghiệp	25,150	88,360	95	7	
TNG	Dệt may	18,500	1,922,275	93	7	Top sức mạnh ngành
PET	Bán lẻ	25,000	803,395	84	6	
ANV	Thủy sản	34,850	1,574,965	86	6	
CTD	Xây dựng	53,300	645,990	84	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
TNG	18.5	1,922,275	7	KHẢ QUAN	1,945	6.5	1.2	36
ANV	34.85	1,574,965	6	KHẢ QUAN	4,640	8.0	1.5	55
CTD	53.3	645,990	5	KHẢ QUAN	3,937	189.7	0.5	34
PAN	18.4	1,778,410	5	KHẢ QUAN	3,844	10.3	0.9	33
MWG	40.4	2,634,200	4	KHẢ QUAN	59,120	14.3	2.5	106
DGC	53.6	1,983,695	4	KHẢ QUAN	20,356	3.8	1.9	106
DGW	34.9	2,380,280	4	KHẢ QUAN	5,831	8.3	2.4	83
FRT	66.7	1,102,140	4	KHẢ QUAN	7,902	20.2	3.9	74
EIB	19.75	3,033,635	4	KHẢ QUAN	29,137	9.9	1.4	60
BSI	29.5	1,598,630	4	KHẢ QUAN	5,525	41.3	1.2	47
IDI	11.9	3,931,025	4	KHẢ QUAN	2,709	5.0	0.8	47
CTF	37.6	713,020	4	KHẢ QUAN	2,858	25.9	3.2	27
DBC	15.95	4,719,065	3	TRUNG TÍNH	3,836	723.4	0.8	75
VHC	61.9	497,035	3	TRUNG TÍNH	11,351	6.9	1.5	31
HPG	20.8	16,995,644	2	TRUNG TÍNH	120,948	14.3	1.3	354
HAG	8.07	10,153,640	2	TRUNG TÍNH	7,484	6.6	1.5	82
FTS	28.8	2,738,430	2	TRUNG TÍNH	5,618	30.1	1.7	79
SBT	15.3	2,588,555	2	TRUNG TÍNH	10,300	15.9	1.1	40
SAB	170.5	159,780	2	TRUNG TÍNH	109,338	21.4	4.7	27
KDC	62.5	1,105,450	1	TRUNG TÍNH	16,077	42.2	2.3	69
DIG	17.15	22,116,720	0	TRUNG TÍNH	10,459	72.6	1.4	379
MSN	78	1,158,285	0	TRUNG TÍNH	111,051	31.0	4.2	90
PVD	20.5	3,636,080	0	TRUNG TÍNH	11,396	#N/A N/A	0.8	75
MBS	16.7	4,073,565	0	TRUNG TÍNH	8,937	14.7	1.4	68
IDJ	12	4,529,370	0	TRUNG TÍNH	2,082	13.8	1.1	54
VCB	88.3	556,445	0	TRUNG TÍNH	417,881	14.0	3.1	49
BCG	7.82	6,227,880	0	TRUNG TÍNH	4,172	10.1	0.6	49
HAH	37.75	1,221,180	0	TRUNG TÍNH	2,656	3.7	1.1	46

HDC	33	1,316,535	0	TRUNG TÍNH	3,567	8.8	1.9	43
PNJ	77.3	556,600	0	TRUNG TÍNH	25,354	13.5	3.0	43
CTS	16.85	2,481,155	0	TRUNG TÍNH	2,506	34.5	1.4	42
ORS	12.1	3,165,495	0	TRUNG TÍNH	2,420	17.8	1.0	38
VGC	34.85	821,930	0	TRUNG TÍNH	15,625	9.0	2.1	29
TCM	50.5	543,385	0	TRUNG TÍNH	4,138	17.4	2.1	27
PLC	32.9	747,150	0	TRUNG TÍNH	2,658	22.7	2.2	25
PVS	25.3	4,289,975	-1	TRUNG TÍNH	12,093	13.7	1.0	109
STB	25.7	18,953,760	-2	TRUNG TÍNH	48,450	9.6	1.3	487
NVL	14.4	28,378,090	-2	TRUNG TÍNH	28,082	12.9	0.8	409
VND	14.85	24,011,910	-2	TRUNG TÍNH	18,085	14.8	1.2	357
SHS	10.2	25,431,640	-2	TRUNG TÍNH	8,294	42.2	0.9	259
CEO	23.5	9,348,990	-2	TRUNG TÍNH	6,047	21.7	1.9	220
VCG	19.6	10,004,725	-2	TRUNG TÍNH	9,523	8.1	1.4	196
VCI	31.3	6,177,505	-2	TRUNG TÍNH	13,631	15.6	2.1	193
LCG	12.1	9,065,230	-2	TRUNG TÍNH	2,295	12.2	0.9	110
POW	13.15	7,323,720	-2	TRUNG TÍNH	30,796	14.9	1.0	96
HHV	12.85	7,136,630	-2	TRUNG TÍNH	3,955	13.1	0.6	92
TPB	22.4	3,779,980	-2	TRUNG TÍNH	35,431	5.7	1.1	85
VRE	28.3	2,438,085	-2	TRUNG TÍNH	64,307	23.2	1.9	69
FPT	79.4	556,090	-2	TRUNG TÍNH	87,104	16.4	4.1	44
KDH	28.45	1,523,015	-2	TRUNG TÍNH	20,394	19.7	1.8	43
SZC	31.55	1,361,565	-2	TRUNG TÍNH	3,155	23.8	2.0	43
GMD	52.9	755,975	-2	TRUNG TÍNH	15,943	17.4	2.3	40
BID	44.6	811,235	-2	TRUNG TÍNH	225,610	12.4	2.3	36
APS	12.5	2,825,325	-2	TRUNG TÍNH	1,038	#N/A N/A	1.1	35
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
VPI	54.6	564,120	-2	TRUNG TÍNH	13,213	23.9	3.8	31
FCN	11.5	2,499,670	-2	TRUNG TÍNH	1,811	45.7	0.7	29
PVC	15.4	1,845,835	-2	TRUNG TÍNH	770	87.5	1.1	28
BSR	16	7,028,745	-3	TRUNG TÍNH	49,608	3.4	1.0	112
SHB	11.35	32,594,336	-4	TIÊU CỰC	34,809	4.5	0.8	370
HSG	15.3	13,386,710	-4	TIÊU CỰC	9,150	#N/A N/A	0.9	205
MBB	18.15	9,459,490	-4	TIÊU CỰC	82,292	4.7	1.1	172
HCM	25.35	6,712,690	-4	TIÊU CỰC	11,590	13.6	1.5	170
KBC	24.3	6,354,590	-4	TIÊU CỰC	18,653	12.2	1.2	154
NKG	14.65	9,264,575	-4	TIÊU CỰC	3,857	#N/A N/A	0.7	136
LPB	13.85	9,561,280	-4	TIÊU CỰC	23,948	4.7	1.0	132
GEX	12.85	9,678,965	-4	TIÊU CỰC	10,942	29.7	0.9	124
PDR	13.4	8,269,385	-4	TIÊU CỰC	9,000	10.1	1.1	111
VIX	7.62	12,668,765	-4	TIÊU CỰC	4,436	69.7	0.6	97
IDC	38.5	2,491,730	-4	TIÊU CỰC	12,705	7.5	2.6	96
VHM	50.7	1,668,735	-4	TIÊU CỰC	220,766	7.7	1.5	85
VNM	71.9	1,041,150	-4	TIÊU CỰC	150,268	19.8	5.0	75
NLG	30.1	2,485,825	-4	TIÊU CỰC	11,561	23.6	1.3	75
HQC	4.27	16,087,235	-4	TIÊU CỰC	2,035	108.2	0.5	69
SCR	7.01	7,586,650	-4	TIÊU CỰC	2,774	55.3	0.6	53
CTG	28.75	1,841,195	-4	TIÊU CỰC	138,165	8.2	1.3	53

HDB	19.2	2,725,095	-4	TIÊU CỰC	48,293	6.2	1.3	52
IJC	13.35	3,771,580	-4	TIÊU CỰC	3,362	7.0	0.9	50
TCH	7.37	6,071,575	-4	TIÊU CỰC	4,925	27.6	0.6	45
GVR	15.15	2,786,865	-4	TIÊU CỰC	60,600	15.8	1.2	42
PC1	28.15	1,434,125	-4	TIÊU CỰC	7,613	16.6	1.5	40
PLX	36.45	963,590	-4	TIÊU CỰC	46,313	31.5	1.9	35
HUT	15.8	2,105,150	-4	TIÊU CỰC	5,508	38.1	1.4	33
HDG	31.35	1,020,695	-4	TIÊU CỰC	7,668	7.0	1.4	32
ASM	8.3	3,089,870	-4	TIÊU CỰC	2,793	4.4	0.6	26
LDG	4.11	6,068,130	-4	TIÊU CỰC	1,053	276.8	0.3	25
GAS	96	259,545	-4	TIÊU CỰC	183,739	12.5	3.1	25
SSI	21.1	21,606,620	-5	TIÊU CỰC	31,632	14.5	1.4	456
VPB	19.35	15,654,945	-5	TIÊU CỰC	129,900	7.1	1.3	303
DXG	12.6	18,020,916	-5	TIÊU CỰC	7,686	34.3	0.8	227
TCB	28.85	5,174,860	-5	TIÊU CỰC	101,472	5.0	0.9	149
ACB	24.25	4,518,445	-5	TIÊU CỰC	81,903	6.0	1.4	110
VIB	20.4	4,743,385	-5	TIÊU CỰC	42,997	5.1	1.3	97
CII	14.5	5,264,330	-5	TIÊU CỰC	3,657	4.8	0.7	76
KSB	25.35	2,579,625	-5	TIÊU CỰC	1,934	14.8	1.0	65
DPM	34.1	1,898,130	-5	TIÊU CỰC	13,344	2.4	1.0	65
PVT	20.25	2,409,010	-5	TIÊU CỰC	6,554	7.6	1.1	49
VIC	52.6	1,867,725	-6	TIÊU CỰC	200,613	22.2	1.8	98

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Anh: Lạm phát tháng 3 giảm nhẹ nhưng vẫn cao trên 2 con số

Theo số liệu của Văn phòng Thống kê quốc gia Anh (ONS), chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tại Anh trong tháng 3 là 10,1%, cao hơn so với dự đoán 9,8% được đưa ra trước đó bởi các chuyên gia kinh tế, đồng thời cao hơn con số dự đoán 9,2% được đưa ra bởi Ngân hàng Trung ương Anh hồi tháng 2 năm nay. Tuy đã giảm 0,3% so với tháng 2/2023, nhưng vẫn ở mức cao nhất trong số các nước Tây Âu, cũng là tháng thứ 7 liên tiếp tỷ lệ lạm phát tại Anh vượt trên mức 10%. Ngoài ra, Anh cũng là nước duy nhất trong khu vực công bố tỷ lệ lạm phát 2 chữ số trong tháng 3 năm nay. Trên thực tế, kể từ tháng 10/2022 khi tỷ lệ lạm phát tại Anh chạm mức cao nhất trong 41 năm qua ở mức 11,1%, tình hình đã dần dần hạ nhiệt và lạm phát giảm trong 3 tháng liên tiếp. Tuy nhiên tới tháng 2/2023, nó bất ngờ ghi nhận xu hướng gia tăng trở lại. Tỷ lệ lạm phát đối với thực phẩm và đồ uống không có cồn tại Anh trong tháng 3/2023 tăng mạnh lên mức 19,1%, cao nhất trong vòng 45 năm (từ tháng 8/1977). Điều này cho thấy áp lực giá đối với người tiêu dùng Anh vẫn chưa được giảm nhẹ, bất chấp các nỗ lực từ phía Chính phủ. Trong khi đó, chi phí nguyên liệu thô cho các nhà sản xuất tăng 7,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Con số này giảm mạnh so với mức 12.8% của tháng 2 trước đó nhưng vẫn cao hơn mức dự đoán được kỳ vọng bởi các chuyên gia kinh tế. Các con số trên củng cố khả năng rằng Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) sẽ tăng lãi suất sau buổi họp tháng 5 tới do tỷ lệ lạm phát lõi (loại trừ giá năng lượng và thực phẩm) không giảm như dự kiến trong tháng 3. Giới tài chính nhận định, gần như chắc chắn BoE sẽ nâng lãi suất lên mức 4,5% trong tháng 5/2023 để kiềm chế lạm phát. Đến quý 3 năm nay, lãi suất thậm chí có thể lên tới mức 5%.

OIL: Sau quý I, hoàn thành 44% kế hoạch lợi nhuận năm

Ngày 18/4, PVOIL tổ chức gặp mặt các cổ đông lớn và nhà đầu tư để thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, quý 1/2023 và Kế hoạch năm 2023 của Tổng công ty. Tại cuộc gặp, lãnh đạo Công ty thông tin, trong quý I/2023, tổng doanh thu của PVOIL ước đạt 19.000 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ là 222 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 270 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ là 177 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 209 tỷ đồng. Theo tài liệu trình ĐHCĐ dự kiến diễn ra vào ngày 27/4, PVOIL trình đại hội thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 với 50.000 tỷ đồng doanh thu hợp nhất, lợi nhuận hợp nhất trước thuế là 600 tỷ đồng và lợi nhuận hợp nhất sau thuế là 400 tỷ đồng. Chỉ tiêu kế hoạch của công ty mẹ là 500 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế và 400 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Như vậy, sau quý I, PVOIL đã hoàn thành 38% kế hoạch tổng doanh thu, 45% kế hoạch lợi nhuận trước thuế hợp nhất và 44% kế hoạch lợi nhuận sau thuế hợp nhất. Về sản lượng, tiêu thụ xăng dầu đạt 1.111 triệu m3, bằng 34% so với kế hoạch 3.300 triệu m3. Chỉ tiêu xuất/bán dầu thô và nhập khẩu dầu thô cho BSR đạt 2.639 triệu m3, bằng 29% kế hoạch 9.185 triệu m3. Sản xuất xăng dầu, DMN là 151 triệu m3, bằng 31% so với kế hoạch 484 triệu m3.

FPT: Quý I/2023, báo lãi trước thuế 2.121 tỷ đồng

Doanh thu khối công nghệ, viễn thông, giáo dục và đầu tư khác đạt 6.843 tỷ đồng; 3.790 tỷ đồng và 1.048 tỷ đồng, lần lượt tăng 21,3%; 9,2% và 69,7%. Lợi nhuận trước

thuế 3 khối trên theo thứ tự đạt 906 tỷ đồng; 724 tỷ đồng và 491 tỷ đồng. Doanh thu tiếp tục đà tăng trưởng tại mọi thị trường, đặc biệt tại Nhật (+31.2%) và APAC (+65.7%), hướng tới cột mốc doanh thu 1 tỷ USD vào cuối năm nay. Doanh thu chuyển đổi số trong 3 tháng đầu năm 2023 đạt 2.103 tỷ đồng, tăng trưởng 28% so với cùng kỳ, tập trung vào các công nghệ mới như Cloud, AI/Data Analytics. 3 tháng đầu năm 2023, FPT ghi nhận nhiều đơn hàng lớn từ thị trường nước ngoài, trong đó có 6 dự án với quy mô trên 5 triệu USD, doanh thu ký mới đạt 10.165 tỷ đồng (tăng trưởng 44,1% so với cùng kỳ). Dịch vụ CNTT trong nước ghi nhận sự hồi phục vào cuối quý I, doanh thu đạt 1.407 tỷ đồng (-8% so với cùng kỳ) và lợi nhuận trước thuế đạt 18 tỷ đồng (-80,6% so với cùng kỳ). Thị trường trong nước gặp trở ngại trong quý I do khối doanh nghiệp còn gặp khó khăn, dẫn đến sụt giảm nhu cầu đầu tư cho CNTT. Công ty tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với khối chính phủ, bộ ban ngành, khối doanh nghiệp nước ngoài và các ngành kinh tế ít bị ảnh hưởng nhằm đảm bảo tăng trưởng.

VSC đã nhận chuyển nhượng cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ

Cụ thể, ngày 19/4, Container Việt Nam cho biết, Công ty và Công ty cổ phần Gemadept (mã GMD – sàn HoSE) cùng với các bên chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng khác đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng phần vốn tại Công ty Cảng Nam Hải Đình Vũ. Theo tìm hiểu, Cảng Nam Hải Đình Vũ chính thức đi vào hoạt động từ năm 2014 với công suất 500.000 Teus/năm, tiếp nhận tàu lớn nhất lên tới 50.000 DWT, diện tích bãi CY là 200.000m² và chiều dài cầu tàu lên tới 450m. Trước đó, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Container Việt Nam đã thông qua kế hoạch chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1, tương ứng chào bán 121,27 triệu cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu để huy động 1.212,7 tỷ đồng và thời gian dự kiến trong năm 2023. Số tiền huy động, Công ty dự kiến dùng 1.200 tỷ đồng đầu tư chi phối một doanh nghiệp trong lĩnh vực cảng biển có trụ sở tại TP. Hải Phòng thông qua hoạt động chuyển nhượng cổ phần, thời gian thực hiện trong năm 2023; và 12,7 tỷ đồng dùng bổ sung vốn lưu động.

BAB: lãi trước thuế quý 1 tăng 36%

Quý đầu năm, Ngân hàng thu được hơn 578 tỷ đồng thu nhập lãi thuần, tăng 9% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, hoạt động dịch vụ thu được khoản lãi gần 31 tỷ đồng, tăng đến 85%, nhờ thu dịch vụ ủy thác và đại lý gần 25 tỷ đồng (gấp 2.7 lần cùng kỳ). Hoạt động kinh doanh ngoại hối thu được khoản lãi gần 31 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ gần 10 tỷ, nhờ tăng thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay 37 tỷ đồng. Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư gấp 4.6 lần cùng kỳ, đạt 31 tỷ đồng, nhờ tăng thu nhập và được hoàn nhập hơn 10 tỷ đồng. Chi phí hoạt động trong quý tăng 21%, chỉ hơn 354 tỷ đồng, do tăng chi phí cho nhân viên và chi phí quản lý công cụ. Kết quả, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 29%, đạt gần 326 tỷ đồng. Trong quý, Ngân hàng trích gần 19 tỷ đồng để dự phòng rủi ro tín dụng, nhưng được hoàn nhập hơn 28 tỷ đồng. Do đó, Bac A Bank thu được hơn 335 tỷ đồng lãi trước thuế, tăng 36%. Lợi nhuận sau thuế tăng 37%, đạt hơn 269 tỷ đồng. Bac A Bank đề ra mục tiêu lãi sau thuế 880 tỷ đồng cho cả năm 2023, như vậy, Ngân hàng đã thực hiện được 31% kế hoạch sau quý đầu năm.

PDR: Quý 1, lãi hơn 24 tỷ đồng

Cụ thể, quý 1, doanh thu thuần và lãi ròng của PDR chỉ đạt lần lượt 192 tỷ đồng và 24 tỷ đồng. Trong kỳ, Công ty đã chủ động tiết giảm các chi phí như chi phí tài chính (giảm 9%), chi phí bán hàng (giảm 31%) và chi phí quản lý (giảm 29). Giải trình kết quả quý 1, PDR cho biết hoạt động đầu tư kinh doanh của Công ty cũng như tình hình các dự án đều không thuận lợi do tình hình khó khăn chung của toàn thị trường, đặc biệt là ngành bất động sản. Mặt khác, lợi nhuận giảm còn đến từ việc Công ty tái cơ cấu danh mục đầu tư. Trên bảng cân đối kế toán, tổng tài sản của PDR tại thời điểm 31/03/2023 gần 22 ngàn tỷ đồng, giảm 5% so với đầu năm. Trong đó, lượng tiền mặt đang nắm giữ gần 234 tỷ đồng, giảm 14%. Nợ phải trả của Công ty không thay đổi nhiều so với đầu năm, vẫn duy trì ở mức trên 13.5 ngàn tỷ đồng. Đáng chú ý, tổng nợ vay lại giảm 22% chỉ sau 3 tháng, còn gần 3.5 ngàn tỷ đồng.

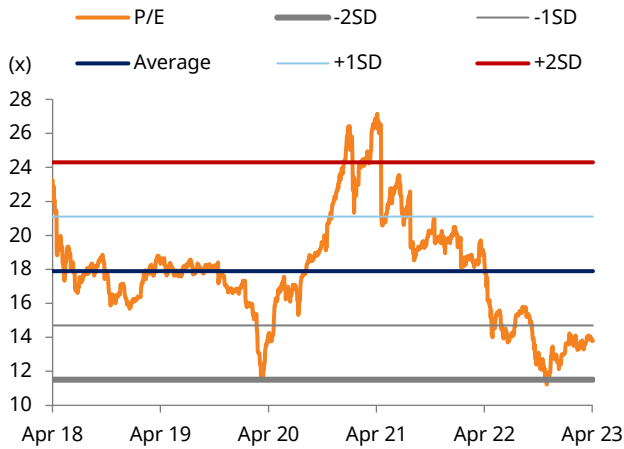
HT1: Lỗ kỷ lục 86 tỷ đồng trong quý 1

Trong 3 tháng đầu năm, Xi măng Hà Tiên ghi nhận doanh thu thuần gần 1.7 ngàn tỷ đồng và lãi gộp 76 tỷ đồng, giảm 14% và 54% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, biên lãi gộp giảm gần một nửa so với cùng kỳ, xuống còn 4%. Bên cạnh sự đi xuống của hoạt động cốt lõi, doanh nghiệp chuyên sản xuất xi măng này còn gánh thêm áp lực về tài chính. Trong kỳ, chi phí tài chính tăng 56% so với cùng kỳ, lên 43 tỷ đồng, chủ yếu do lãi vay tăng 112%. Các khoản chi phí khác cũng tăng 10%. Kết quả, Xi măng Hà Tiên lỗ kỷ lục 86 tỷ đồng trong quý 1/2023, trong khi cùng kỳ lãi 25 tỷ đồng. Áp lực cũng thể hiện trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp. Cuối quý 1/2023, Xi măng Hà Tiên ghi nhận 2.3 ngàn tỷ đồng tài sản ngắn hạn, trong đó có 560 tỷ đồng tiền mặt. Khoản phải thu tăng mạnh lên 810 tỷ đồng từ mức 500 tỷ đồng đầu năm. Hàng tồn kho giảm về mức 835 tỷ đồng tại cuối tháng 3/2023. Bên kia bảng cân đối, nợ ngắn hạn duy trì ở mức 4.2 ngàn tỷ đồng, trong đó hơn 2.3 ngàn tỷ đồng là nợ và vay tài chính ngắn hạn. Còn trên thị trường chứng khoán, HT1 là cổ phiếu được kỳ vọng hưởng lợi từ làn sóng đầu tư công trong năm 2023, với thị giá cổ phiếu gấp đôi so với đáy giữa tháng 11/2022..

Bản tin thị trường

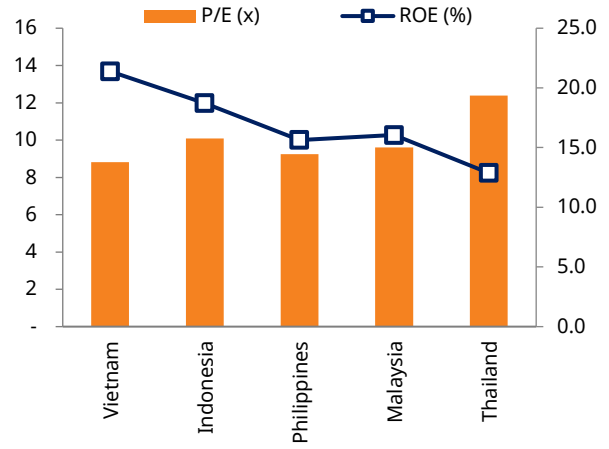
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



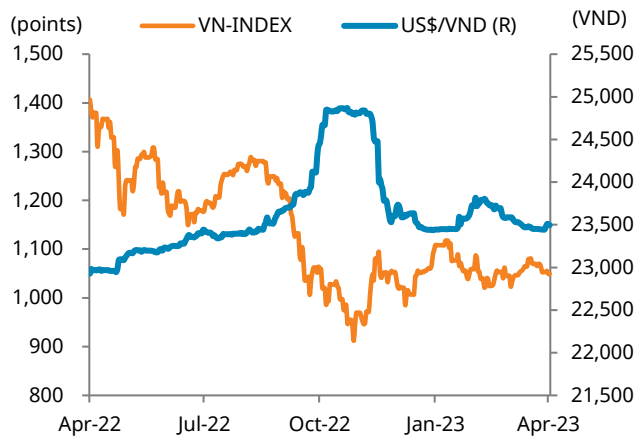
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



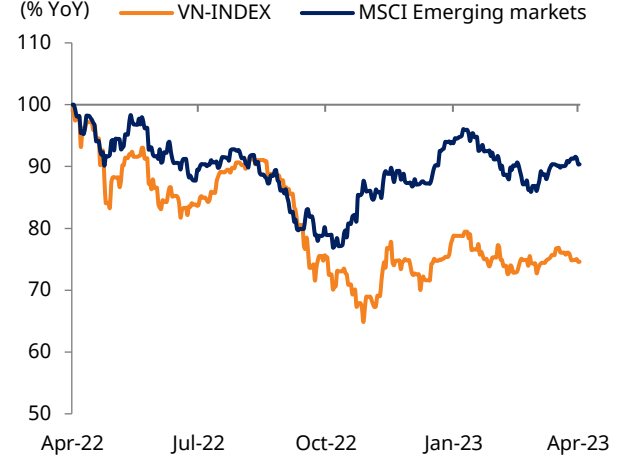
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



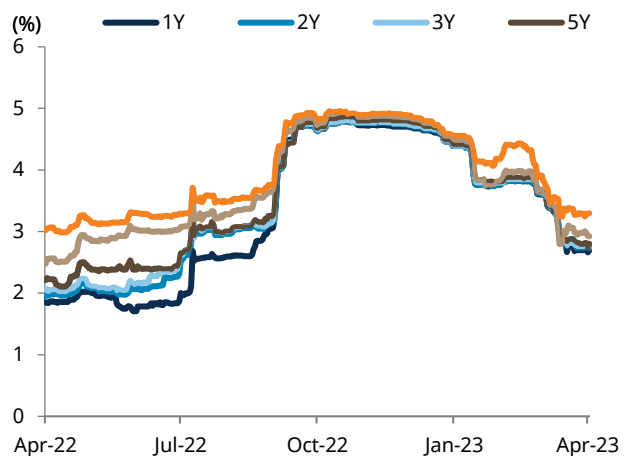
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



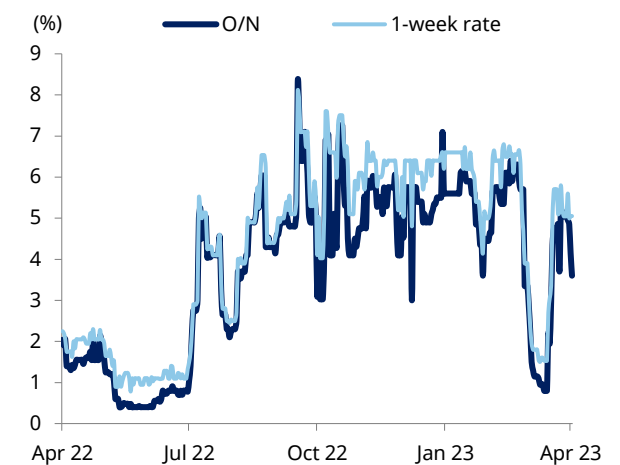
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
VN-Index		4,184,812	1,049.25	1,410.64	873.78	0.0	-1.4	2.6	-24.2	13.8	1.7	13.7		
VN30 Index		3,038,194	1,053.61	1,455.15	863.31	-0.2	-2.0	2.8	-26.6	10.9	1.6	16.5		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	81,903	24,250	26,500	17,450	-0.6	-2.8	1.0	-5.0	6.0	1.4	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	225,610	44,600	48,000	28,000	0.5	-0.8	-1.7	17.5	12.4	2.3	19.9	17.2	12.8
VietinBank	CTG VN	138,165	28,750	31,250	19,500	0.2	-2.2	2.7	0.2	8.2	1.3	16.7	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	48,293	19,200	21,800	13,050	0.8	-2.5	7.9	-6.8	6.2	1.3	23.5	19.5	0.7
MBBank	MBB VN	82,292	18,150	25,667	13,200	0.3	-2.2	4.9	-26.2	4.7	1.1	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	48,450	25,700	29,000	14,050	0.8	-2.8	6.2	-6.7	9.6	1.3	13.8	26.1	3.9
Techcombank	TCB VN	101,472	28,850	44,750	19,300	-0.5	-4.5	9.9	-33.0	5.0	0.9	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	35,431	22,400	37,100	18,300	0.2	-3.4	3.7	-36.9	5.7	1.1	21.5	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	417,881	88,300	96,300	62,000	-0.2	0.1	3.8	12.6	14.0	3.1	24.4	23.5	6.5
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	42,997	20,400	32,222	16,200	-0.2	-3.5	-0.7	-33.4	5.1	1.3	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	129,900	19,350	24,800	13,650	-1.8	-6.1	-1.8	-17.5	7.1	1.3	20.7	17.5	0.2
SSI Securities Corp	SSI VN	31,632	21,100	34,588	13,050	-0.9	-3.0	8.2	-36.2	14.5	1.4	9.3	N/A	N/A
Bao Viet Holdings	BVH VN	34,889	47,000	68,400	41,200	1.8	-2.9	-4.1	-26.6	22.5	1.7	7.5	27.4	21.6
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	82,179	79,400	101,800	58,200	0.3	-0.5	-2.7	3.8	58.5	4.9	10.2	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	28,082	14,400	86,800	10,050	-1.0	-0.7	29.7	-82.3	12.9	0.8	6.0	6.2	42.8
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	9,000	13,400	66,200	9,940	-2.2	-4.3	13.6	-78.9	10.1	1.1	11.3	2.8	46.2
Vinhomes JSC	VHM VN	220,766	50,700	71,200	39,400	0.6	0.4	19.2	-24.1	7.7	1.5	21.4	24.3	25.7
Vingroup JSC	VIC VN	200,613	52,600	80,500	49,700	0.0	-0.8	-0.4	-33.7	22.2	1.8	8.4	12.9	35.9
Vincom Retail JSC	VRE VN	64,307	28,300	31,650	21,400	0.0	-0.4	-2.4	-7.7	23.2	1.9	8.7	32.9	17.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	59,120	40,400	79,700	35,250	-0.2	-1.6	6.0	-48.2	14.3	2.5	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	111,051	78,000	125,000	69,100	-0.9	-1.5	-4.3	-37.2	31.0	4.2	12.1	30.3	18.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	109,338	170,500	203,000	149,000	0.1	0.6	-9.8	-0.9	21.4	4.7	23.6	62.5	37.5
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	150,268	71,900	85,600	64,500	-0.1	-2.2	-3.2	-4.9	19.8	5.0	24.1	55.6	44.4
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	46,313	36,450	52,300	22,950	0.1	-2.0	3.0	-28.9	31.5	1.9	5.8	17.8	2.6
Vietnam Rubber Group	GVR VN	60,600	15,150	35,500	9,300	0.7	-5.0	5.6	-53.5	15.8	1.2	7.9	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	120,948	20,800	33,923	11,800	0.0	1.7	4.0	-37.4	14.3	1.3	9.1	23.5	25.5
FPT Corp	FPT VN	87,104	79,400	98,000	61,300	0.1	-0.3	2.3	-14.9	16.4	4.1	27.2	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	53,890	99,500	144,300	94,000	-0.6	0.2	-5.8	-29.9	N/A	3.6	-14.3	17.5	12.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	183,739	96,000	134,000	92,600	0.4	-4.0	-6.8	-9.9	12.5	3.1	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	30,796	13,150	16,400	8,910	-0.4	-2.2	2.3	0.8	14.9	1.0	7.0	7.7	41.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.